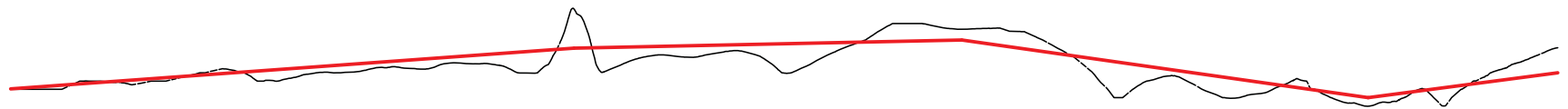
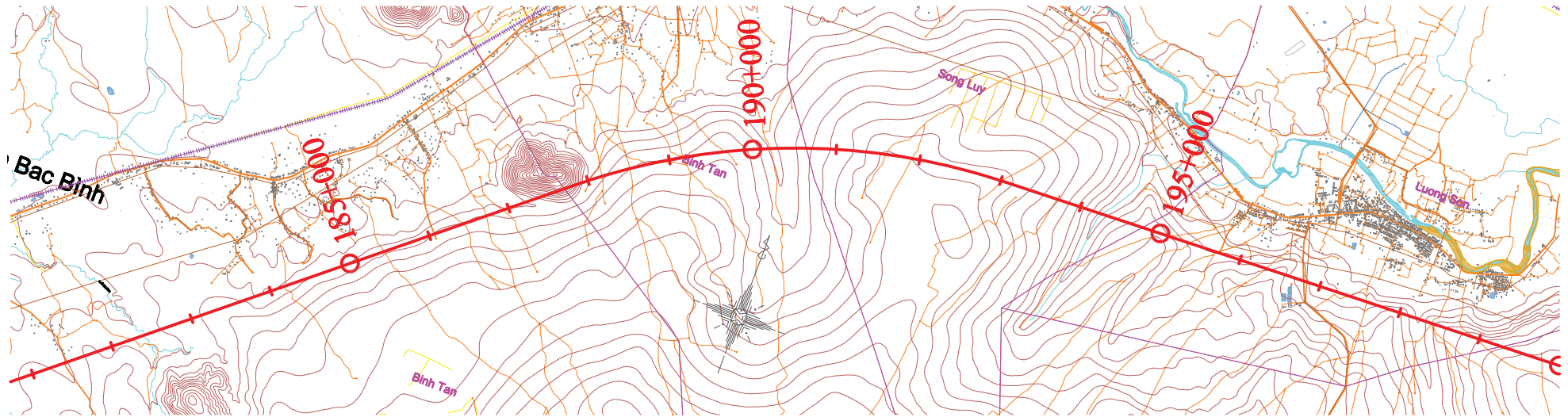
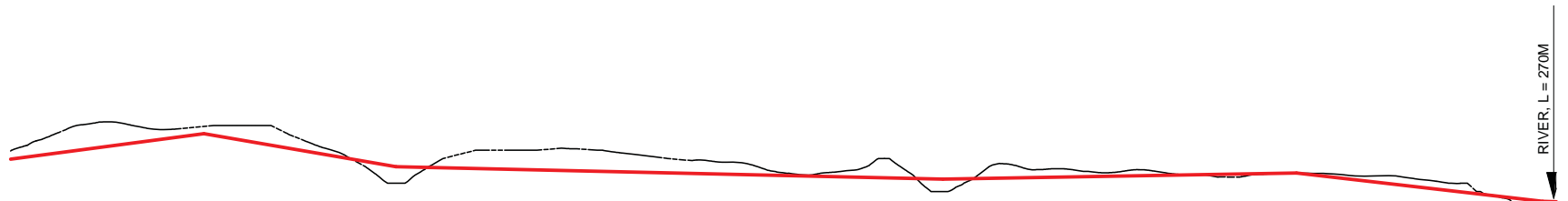
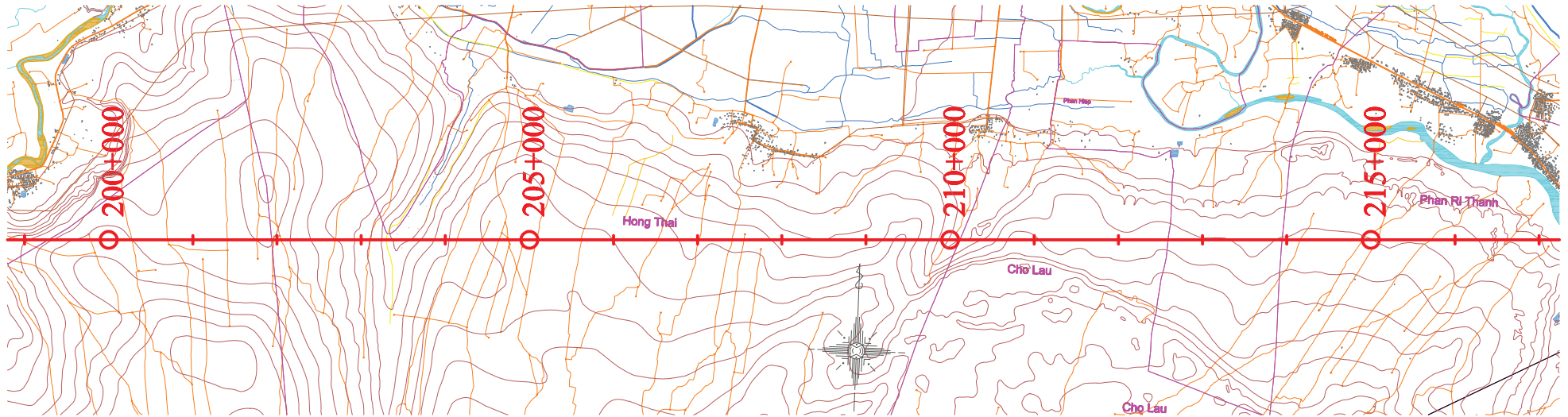


LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	$i = -0.08\%$ $L = 2693.92m$		$i = 0.22\%$ $L = 5254.28m$					$i = 0.25\%$ $L = 4285.79m$				$i = 0.32\%$ $L = 5266.00m$											
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	17.65	16.85	16.05	15.90	17.66	19.86	22.05	24.25	26.44	27.43	28.79	31.26	33.73	36.20	38.01	38.85	42.00	45.15	48.30	51.45	53.71	54.60	61.83
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	10.00	12.04	15.15	15.90	19.01	19.99	20.00	23.90	26.51	27.43	28.10	25.57	29.94	30.00	30.01	30.02	30.01	36.79	42.08	49.99	79.44	53.03	60.06
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	163000.00	164000.00	165000.00	165193.90	166000.00	167000.00	168000.00	169000.00	170000.00	170448.20	171000.00	172000.00	173000.00	174000.00	174734.00	175000.00	176000.00	177000.00	178000.00	179000.00	179717.00	180000.00	181000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	$L = 7003.25m$								$L = 3516.85m$ $R = 6000.00m$				$L = 16034.71m$										

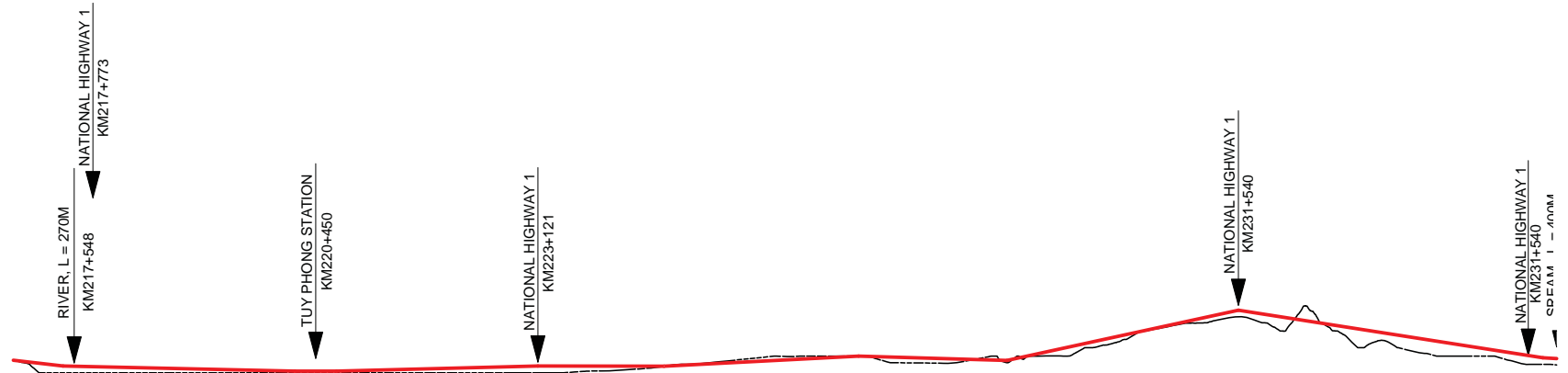
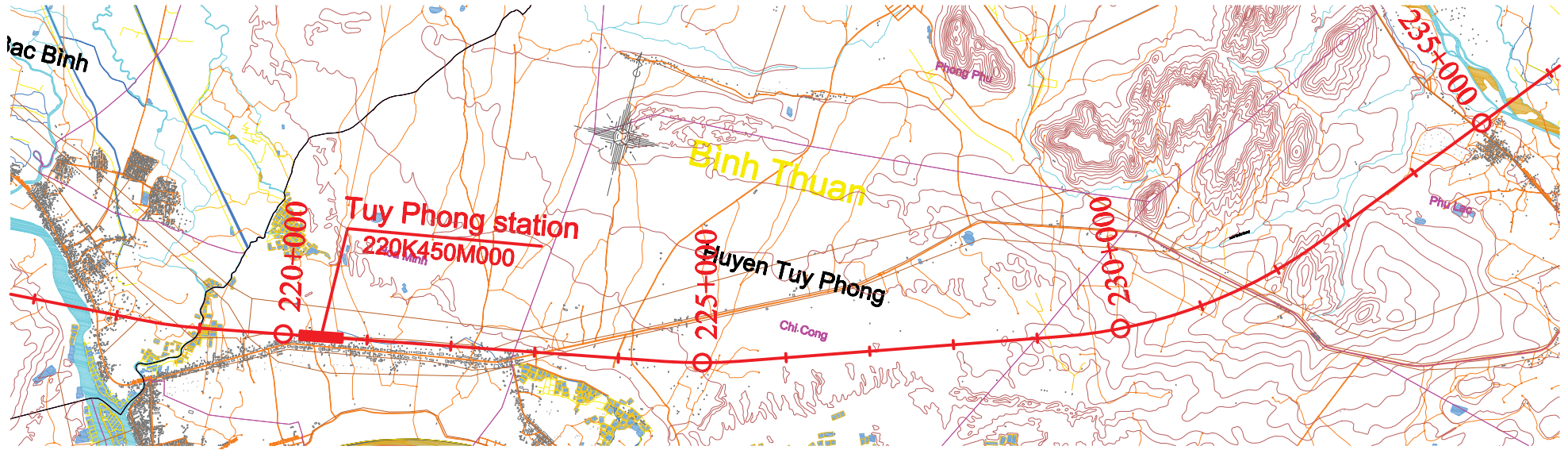


LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)																						
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	61.83	69.06	76.29	83.52	90.75	97.98	105.21	110.00	110.72	112.84	114.96	117.08	119.20	120.00	111.14	96.97	82.80	68.62	54.45	50.00	58.97	72.04
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	60.06	69.03	77.14	70.80	81.15	88.46	79.94	157.19	80.55	99.19	95.26	112.54	137.77	132.95	130.45	75.98	75.48	54.80	44.93	39.60	60.16	86.19
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	181000.00	182000.00	183000.00	184000.00	185000.00	186000.00	187000.00	187663.00	188000.00	189000.00	190000.00	191000.00	192000.00	192375.00	193000.00	194000.00	195000.00	196000.00	197000.00	197314.00	198000.00	199000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG									L=5244.54m R=8000.00m													

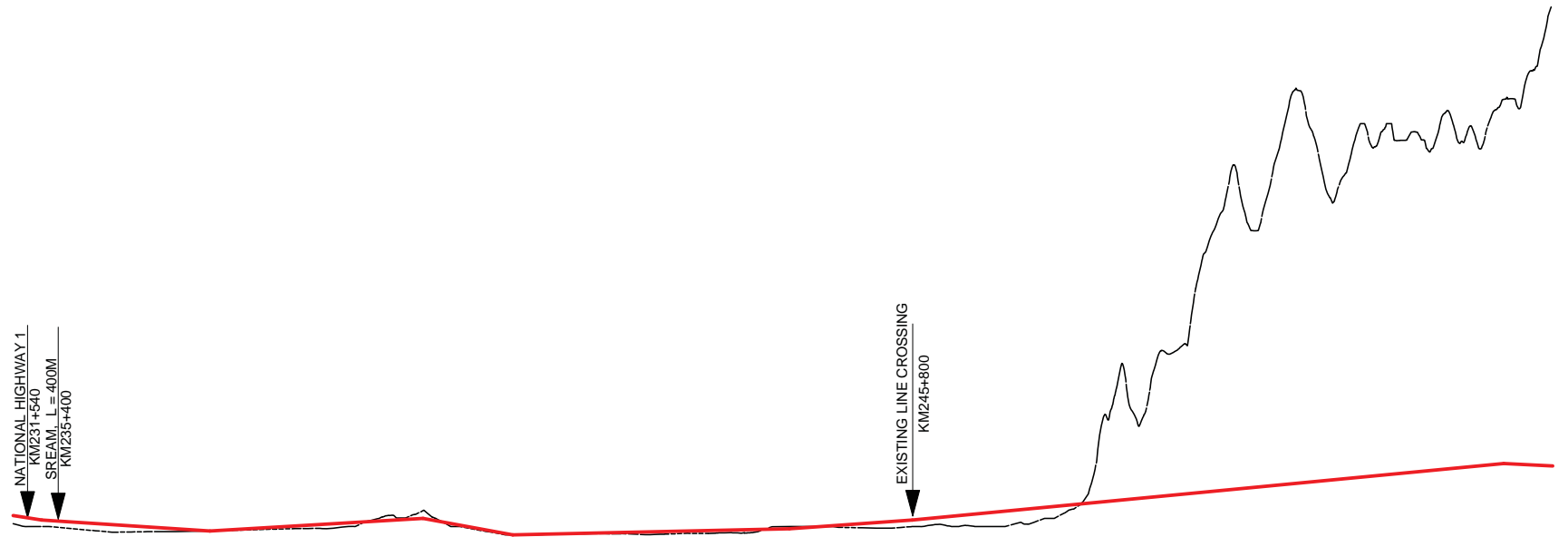
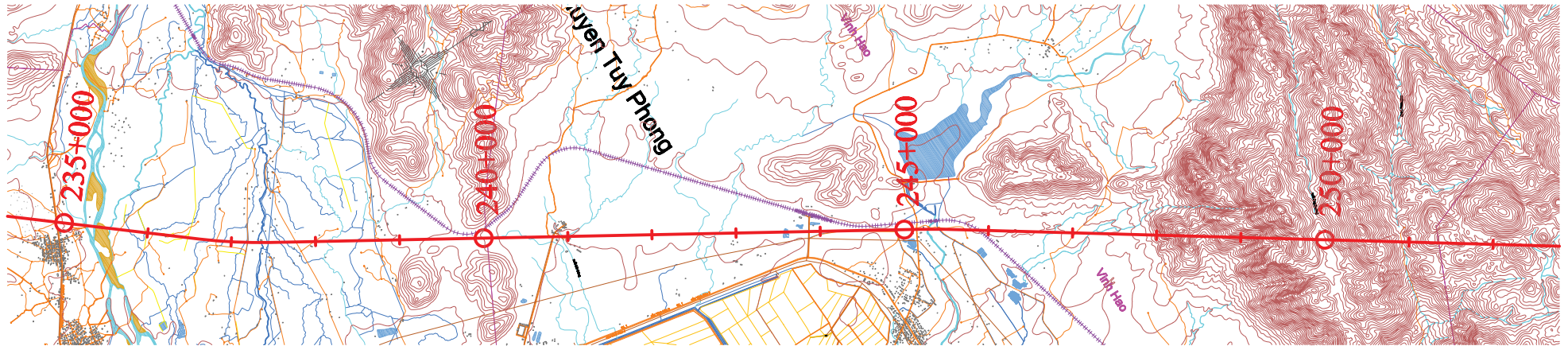
# BÌNH ĐỒ HƯỚNG TUYẾN ĐSCT (ĐOẠN HCM - NHA TRANG) Tỷ lệ: 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	$i=1.31\%$ $L=3825.50m$		$i=-1.71\%$ $L=2336.50m$		$i=-0.23\%$ $L=6646.50m$				$i=0.17\%$ $L=4297.94m$			$i=-1.15\%$ $L=2892.56m$												
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	72.04	85.11	98.18	85.27	68.15	60.00	56.56	54.30	52.05	49.79	47.53	45.28	46.51	48.23	49.95	51.67	52.39	45.73	34.24	22.75	18.00			
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	86.19	114.42	107.57	108.83	107.89	65.72	39.97	67.22	80.03	79.80	68.07	55.65	55.61	39.89	30.00	61.74	53.11	50.72	50.95	52.39	50.20	43.81	20.54	10.00
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	199000.00	200000.00	201000.00	201139.50	202000.00	203000.00	203476.00	204000.00	205000.00	206000.00	207000.00	208000.00	209000.00	210000.00	211000.00	212000.00	213000.00	214000.00	214420.40	215000.00	216000.00	217000.00	217413.00	
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	$L=25243.47m$																							

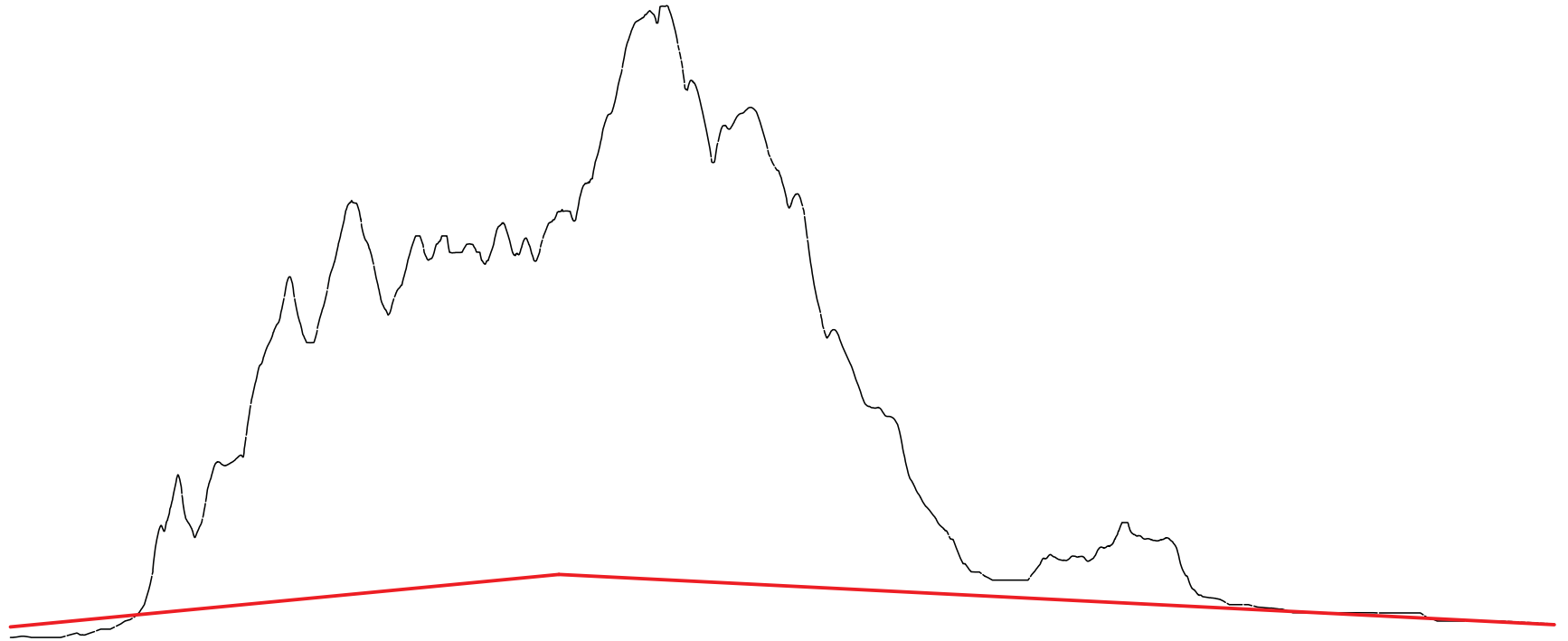
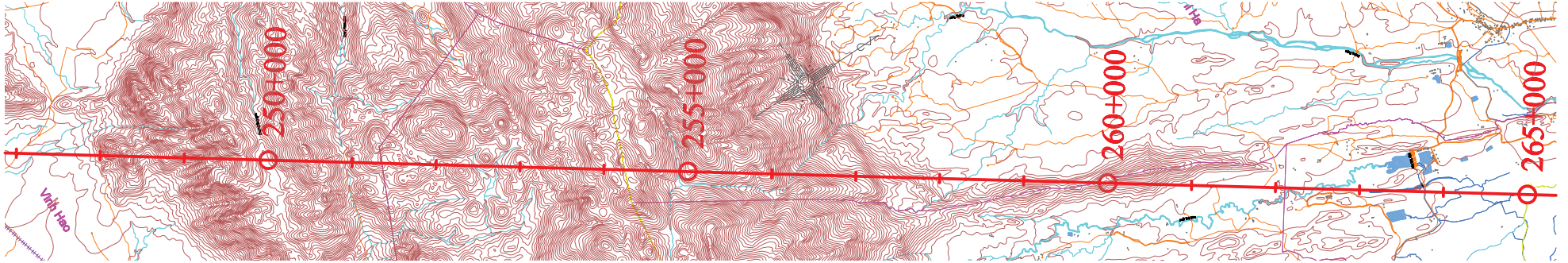


LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	$i = -0.22\%$ $L = 2787.00m$															$i = 0.00\%$ $L = 500.00m$		$i = 0.25\%$ $L = 2421.00m$		$i = -0.02\%$ $L = 1517.03m$		$i = 0.52\%$ $L = 2338.57m$		$i = -0.29\%$ $L = 1783.40m$		$i = 2.17\%$ $L = 2780.00m$		$i = -1.56\%$ $L = 3660.00m$	
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	22.75	18.00	16.74	14.58	12.43	12.00	12.16	12.74	15.22	17.70	17.85	17.74	19.63	24.85	<b>26.86</b>	27.02	24.85	30.06	51.75	73.45	85.16	77.98	62.36	46.74	31.12	28.00			
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	20.54	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	12.35	17.74	20.48	29.87	<b>29.85</b>	21.32	21.99	30.00	44.37	69.61	77.16	63.02	39.99	30.04	20.00	20.00			
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	217000.00	217413.00	218000.00	219000.00	220000.00	220200.00	220763.50	221000.00	222000.00	223000.00	224000.00	224638.00	225000.00	226000.00	<b>226956.60</b>	228000.00	228760.00	229000.00	230000.00	231000.00	231540.00	232000.00	233000.00	234000.00	235000.00	235200.00			
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG				$L = 738.67m$ $R = 6000.00m$		$L = 5509.25m$					$L = 888.69m$ $R = 6000.00m$		$L = 3867.09m$			$L = 3339.87m$ $R = 6000.00m$		$L = 3977.70m$											

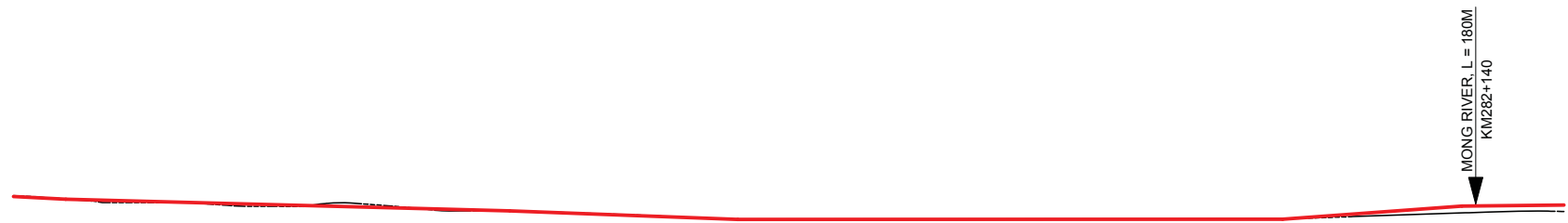
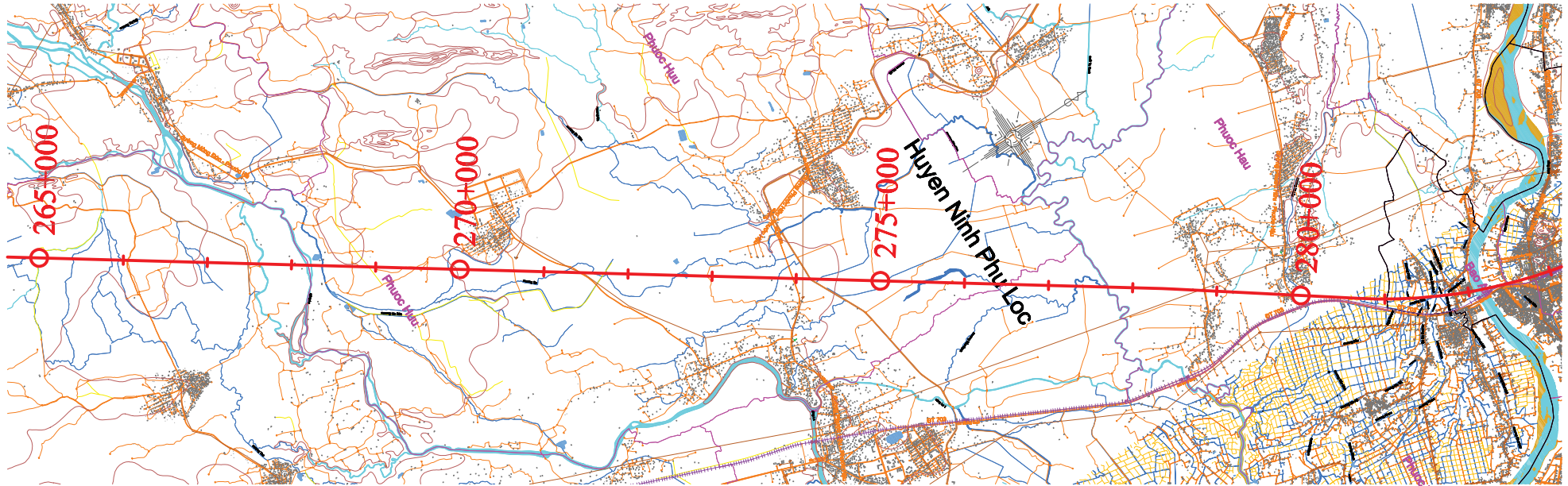


LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%) / (m)	i = -0.65% L = 2047.44m		i = 0.59% L = 2594.56m		i = 1.83% L = 1093.26m		i = 0.22% L = 3367.21m		i = 0.71% L = 1437.54m		i = 0.95% L = 7200.00m														
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	31.12	28.00	22.81	16.33	14.73	19.16	25.04	30.00	27.11	18.99	12.34	14.55	16.75	17.41	22.35	27.99	29.91	39.46	49.01	58.56	68.11	77.65	87.20	96.75	
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	20.00	20.00	13.64	14.21	14.73	16.77	20.03	39.42	29.85	18.88	11.32	11.56	16.70	19.95	18.87	20.01	21.43	22.06	79.39	233.22	379.94	436.74	490.33	539.86	
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÓN (m)	235000.00	235200.00	236000.00	237000.00	237247.40	238000.00	239000.00	239842.00	240000.00	240888.00	242000.00	243000.00	244000.00	244302.50	245000.00	245798.00	246000.00	247000.00	248000.00	249000.00	250000.00	251000.00	252000.00	253000.00	253986.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG	0m	L=830.32m R=6000.00m		L=7734.16m								L=35.41m R=6000.00m													

# BÌNH ĐỒ HƯỚNG TUYẾN ĐSCT (ĐOẠN HCM - NHA TRANG) Tỷ lệ: 1/50000



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)	i=0.95% L=7200.00m							i=-0.50% L=12444.49m											
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	39.46	49.01	58.56	68.11	77.65	87.20	96.74	91.70	86.65	81.60	76.56	71.51	66.46	61.41	56.36	51.31	46.27	41.22	36.17
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	22.06	79.39	233.22	379.94	436.74	490.33	539.84	774.92	644.42	532.82	289.84	103.99	121.00	147.01	67.71	50.01	49.92	40.00	37.19
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	247000.00	248000.00	249000.00	250000.00	251000.00	252000.00	253000.00	254000.00	255000.00	256000.00	257000.00	258000.00	259000.00	260000.00	261000.00	262000.00	263000.00	264000.00	265000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG																L=32875.51m			



LONGITUDINAL GRADE (%) ĐỘ DỐC DỌC (%)/(m)																							
FINISH ELEVATION (M) CAO ĐỘ THIẾT KẾ (M)	36.17	33.93	32.46	29.81	27.17	24.52	21.88	19.99	18.93	15.23	11.53	10.01	10.03	10.07	10.11	10.14	10.18	10.22	19.28	18.40	25.68	26.73	
EXISTING ELEVATION (m) CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	37.19	33.95	30.01	29.23	25.35	28.09	20.00	20.00	19.22	15.89	11.59	10.01	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.01	10.45	14.30	17.68	19.77	
ACCUMULATED DISTANCE (m) KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐÒN (m)	265000.00	265442.50	266000.00	267000.00	268000.00	269000.00	270000.00	270711.30	271000.00	272000.00	273000.00	273411.80	274000.00	275000.00	276000.00	277000.00	278000.00	279000.00	280000.00	280800.00	281000.00	282000.00	283000.00
HORIZONTAL GEOMETRY ĐƯỜNG THẲNG, ĐƯỜNG CONG																							

